TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH SƠN** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/DS-ST
Ngày 17-9-2024
V/v *"Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH SƠN, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Thùy Dung.
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Kim Khánh.
- Ông Lê Văn Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn – tỉnh Ninh Thuận *tham gia phiên toà:* Ông Phạm Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2024 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2024/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ trụ sở chính: Số B đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật*:* Ông Tiết Văn T – Tổng Giám đốc Ngân hàng N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Quang S – Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện N, tỉnh Ninh Thuận *(Theo Quyết định ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng N).*

Địa chỉ chi nhánh: Số B đường L, khu phố C, thị trấn T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người được ủy quyền lại*:* Bà Võ Thị Thanh T1 – Phó Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện N, tỉnh Ninh Thuận *(Theo giấy ủy quyền số 478/UQ-NNNoNT-NS ngày 30/11/2023 của Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện N, tỉnh Ninh Thuận)* – Đề nghị xét xử vắng mặt.

- Đồng bị đơn:

1/ Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm: 1973 – Vắng mặt.

2/ Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1971 – Đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Võ Thị Thanh T1 là Người được ủy quyền lại của Nguyên đơn - Ngân hàng N có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại đơn khởi kiện đề ngày 30-11-2023 và quá trình tham gia tố tụng, bà T1 trình bày:

Ông Nguyễn Tấn Đ và bà Nguyễn Thị T2 vay vốn tại Ngân hàng N (Sau đây viết tắt là N1 và gọi tắt là Ngân hàng) - chi nhánh huyện N, cụ thể như sau:

- Giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn được phê duyệt ngày 15/5/2006.
- Sổ lưu tờ rời hộ sản xuất vay vốn ngắn hạn tên chủ hộ vay vốn: Nguyễn Tấn Đ.
- Số tiền vay: 20.000.000 đồng.
- Lãi suất: 1.3%/ tháng.
- Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất khi cho vay.
- Thời hạn cho vay: 12 tháng.
- Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày 13/5/2007.
- Mục đích sử dụng vốn vay: Mua bò, chăn nuôi.

Ngày 15/5/2006, Ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền của khoản vay trên. Tuy nhiên, sau khi vay, ông Đ và bà T2 không thanh toán đủ tiền gốc và lãi theo thỏa thuận. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đ, bà T2 có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Tại biên bản hòa giải thành ngày 03/6/2024, Ngân hàng và ông Đ thống nhất số tiền Ngân hàng yêu cầu là:

- Nợ gốc là: 15.600.000 đồng.
- Nợ lãi tính đến ngày 03/6/2024 là: 62.456.556 đồng.

Tổng cộng: 78.056.556 đồng.

Kể từ ngày 04/6/2024, buộc ông Đ và bà T2 phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Tấn Đ vắng mặt, quá trình giải quyết ông trình bày:

Tại biên bản hòa giải thành ngày 03/6/2024, ông xác nhận khoản vay như Ngân hàng khởi kiện và đồng ý cùng bà T2 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng khoản vay trên, bao gồm:

- Nợ gốc là: 15.600.000 đồng.
- Nợ lãi tính đến ngày 03/6/2024 là: 62.456.556 đồng.

Tổng cộng: 78.056.556 đồng.

Kể từ ngày 04/6/2024 cho đến khi thi hành án xong, ông đồng ý chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc phải trả chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Bị đơn là bà Nguyễn Thị T2 có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại bản tự khai ngày 17/9/2024 bà trình bày:

Bà xác nhận khoản vay như Ngân hàng khởi kiện và đồng ý cùng ông Đ có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng khoản vay trên, bao gồm:

- Nợ gốc là: 15.600.000 đồng.
- Nợ lãi tính đến ngày 17/9/2024 là: 63.180.006 đồng.

Tổng cộng: 78.780.006 đồng.

Kể từ ngày 18/9/2024 cho đến khi thi hành án xong, bà đồng ý chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc phải trả chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa

thuận cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Ngoài ra, bà đồng ý chịu án phí theo quy định.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

2. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự:

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án vắng mặt không có lý do, chưa thực hiện đúng nghĩa vụ tố tụng của mình tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ tài liệu chứng cư nguyên đơn cung cấp, có đủ căn cứ để xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

3. Về việc giải quyết vụ án:

Xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 280, Điều 357, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N1, cụ thể như sau:

- Buộc ông Nguyễn Tấn Đ và bà Nguyễn Thị T2 phải cùng có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N số tiền nợ gốc 15.600.000 đồng; Nợ lãi, lãi quá hạn tính đến ngày 17/9/2024 là 63.180.000 đồng. Tổng cộng 78.780.000 đồng.

- Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Tấn Đ và bà Nguyễn Thị T2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc phải trả chưa thanh toán theo mức lãi suất tại hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc, có sự điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ do Ngân hàng N2 quy định.

- Về án phí: Ông Nguyễn Tấn Đ và bà Nguyễn Thị T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp:*

Ngân hàng N khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết về Tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Nguyễn Tấn Đ và bà Nguyễn Thị T2. Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy: Theo thỏa thuận giữa các bên thì mục đích vay vốn là chăn nuôi, sản xuất.

Bên vay không đăng ký kinh doanh, thương mại, thỏa thuận không phát sinh vì mục đích kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và cũng không có mục đích lợi nhuận theo như quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

[1.2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

[1.3] *Xử lý về sự vắng mặt của đương sự:*

Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn và bị đơn là bà T2 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn là ông Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, có mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất nhưng vắng mặt không lý do tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai nhưng đã có ý kiến trình bày. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] **Về nội dung tranh chấp:** *Xét yêu cầu khởi kiện của N1, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:*

[2.1] *Về việc NHNN yêu cầu ông Đ, bà T2 phải thanh toán tổng số tiền nợ gốc của khoản vay:*

Qua các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện: Ngân hàng đã phê duyệt cho ông Đ, bà T2 khoản vay với số tiền là 20.000.000 đồng, thỏa thuận rõ thời hạn cho vay, hạn trả nợ cuối cùng,... Xét thấy: Giao dịch xác lập giữa các bên dựa trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không trái đạo đức xã hội, có hình thức, nội dung phù hợp với quy định tại khoản 16 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng nên được pháp luật thừa nhận, bảo vệ. Tuy nhiên, sau khi vay, ông Đ, bà T2 không thanh toán cho Ngân hàng tiền gốc và lãi theo đúng thỏa thuận. Hiện khoản vay đã quá kỳ hạn trả nợ và chuyển sang nợ quá hạn. Việc vi phạm nghĩa vụ của bên vay trong một thời gian dài đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng được pháp luật bảo vệ, vi phạm các thỏa thuận đã ký kết. Đây là khoản vay chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu, sinh hoạt, sản xuất của gia đình nên ông Đ, bà T2 phải chịu trách nhiệm liên đới về nghĩa vụ thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng. Do đó, việc NHNN yêu cầu ông Đ, bà T2 phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự, Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận.

[2.2] *Về việc NHNN yêu cầu ông Đ và bà T2 phải thanh toán số tiền nợ lãi phát sinh:*

Xét thấy: NHNN cho ông Đ, bà T2 vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là: 1.3%/ tháng, lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất khi cho vay. Các bên đã thỏa thuận với nhau về thời hạn thanh toán, mức lãi suất cho vay nên việc ông Đ, bà T2 không thanh toán tiền nợ gốc, nợ lãi đúng thời hạn đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Về thời gian, mức tính lãi suất mà Ngân hàng đã áp

dụng là hoàn toàn phù hợp với thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn đã được phê duyệt, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 11, Điều 17 Quy chế cho vay của các Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành kèm theo Quyết định số: 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng N2 (đã được sửa đổi bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005), khoản 2 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định. Về khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được thực hiện theo hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc bên vay phải thanh toán tiền lãi là có cơ sở nên được chấp nhận.

[2.3] Từ những phân tích trên và xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của N1:

Buộc ông Đ, bà T2 phải có nghĩa vụ thanh toán cho N1 số tiền nợ gốc và lãi, cụ thể:

- Nợ gốc là: 15.600.000 đồng.
- Nợ lãi tính đến ngày 17/9/2024 là: 63.180.006 đồng.

Tổng cộng: 78.780.006 đồng.

Kể từ ngày 18/9/2024, buộc ông Đ, bà T2 còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh của khoản nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn được phê duyệt ngày 15/5/2006, Sổ lưu tờ rời hộ sản xuất vay vốn ngắn hạn tên chủ hộ vay vốn: Nguyễn Tấn Đ đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- NHNN không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại 1.917.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm do chi nhánh huyện N, tỉnh Ninh Thuận đã nộp thay.
- Buộc ông Đ, bà T2 phải chịu 3.939.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Điều 280, 357, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 11, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* với ông Nguyễn Tấn Đ và bà Nguyễn Thị T2.

2/ Buộc ông Nguyễn Tấn Đ và bà Nguyễn Thị T2 phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N số tiền nợ gốc và lãi, cụ thể như sau:

- Nợ gốc là: 15.600.000 đồng (Mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng).

- Nợ lãi tính đến ngày 17/9/2024 là: 63.180.006 đồng (Sáu mươi ba triệu một trăm tám mươi nghìn không trăm lẻ sáu đồng).

Tổng cộng: **78.780.006 đồng** (Bảy mươi tám triệu bảy trăm tám mươi nghìn không trăm lẻ sáu đồng).

3/ Kể từ ngày 18/9/2024 cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Tấn Đ và bà Nguyễn Thị T2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc phải trả chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn được phê duyệt ngày 15/5/2006, Sổ lưu tờ rời hộ sản xuất vay vốn ngắn hạn tên chủ hộ vay vốn: Nguyễn Tấn Đ đã ký với Ngân hàng N, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Nguyễn Tấn Đ và bà Nguyễn Thị T2 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng N theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng N.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- H lại cho Ngân hàng N **1.917.000 đồng** (Một triệu chín trăm mười bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận, do Ngân hàng N chi nhánh huyện N, tỉnh Ninh Thuận nộp thay, theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số **0001392** ngày 27 tháng 12 năm 2023.

- Buộc ông Nguyễn Tấn Đ và bà Nguyễn Thị T2 phải chịu **3.939.000 đồng** (Ba triệu chín trăm ba mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, các bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Sơn;
- Chi cục THADS huyện Ninh Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Thị Thùy Dung